TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05/6/2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Đình Tiến
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Thoa
2. Bà Trần Thị Xuân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Kiểm sát viên: Ông Nguyễn Hoàng Dương - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

Ngày 05/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2024/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị C - sinh năm: 1983;

Nơi cư trú: Thôn K, xã NH, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai – vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Hà Xuân Q - sinh năm: 1983;

Nơi cư trú: Thôn K, xã NH, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai – vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2024 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phạm Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Xuân Q đăng ký kết hôn ngày 28/02/2006 tại UBND xã NH, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân là do Anh Q không tu chí làm ăn phát triển kinh tế gia

đình, không quan tâm đến vợ con lại nghiện ma túy. Từ tháng 8 năm 2023 anh Q đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy số 1 tỉnh Lào Cai, từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải bản thân chị cũng đã tìm cách khắc phục nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Xuân Q để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Xuân CA, sinh ngày 23/10/2006 và cháu Hà Xuân TR, sinh ngày 09/8/2011 hiện các cháu mạnh khỏe và phát triển bình thường do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Xuân Q; Anh đồng ý với chị Phạm Thị C về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tuy nhiên anh có nguyện vọng sau 03 tháng nữa anh chấp hành xong cai nghiện vợ chồng anh tự thỏa thuận ly hôn, trường hợp Tòa án xử thì cho ly hôn thì anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hà Xuân TR, chị C nuôi dưỡng cháu Hà Xuân CA đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; xử cho chị Phạm Thị C được ly hôn anh Hà Xuân Q; giao cháu Hà Xuân CA và cháu Hà Xuân TR cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung, án phí và quyền kháng cáo quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Phạm Thị C làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Hà Xuân Q và giải quyết trách nhiệm nuôi con chung; anh Q cư trú tại huyện Bắc Hà, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, cho các đương sự tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng các đương sự không thỏa thuận được về việc gải quyết vụ án; nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt vì thế Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị C và anh Hà Xuân Q đăng ký kết hôn theo quy định tại xã NH do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Sau kết hôn vợ chồng hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn là do anh Q không tu chí làm ăn phát triển kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ con lại nghiện ma túy và hiện đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện tập trung từ đó không ai quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thẫn giữa chị C và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần cho chị Phạm Thị C được ly hôn anh Hà Xuân Q là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hà Xuân CA, sinh ngày 23/10/2006 và Hà Xuân TR, sinh ngày 09/8/2011 hiện các cháu mạnh khỏe và phát triển bình thường do chị C đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án chị C có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 cháu và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, còn anh Q có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu TR. Xét thấy hiện tại cháu CA và cháu TR do chị C đang trực tiếp nuôi dưỡng các cháu vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường, mức thu nhập của chị C 5.000000đ/tháng đủ điều kiện nuôi dưỡng các cháu. Đối với anh Qung là người nghiện ma túy hiện đang cai nghiện tập trung tại Trung tâm cai nghiện do đó không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu, mặt khác hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị C sau khi bố mẹ ly hôn. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu cần chấp nhận nguyện vọng của chị C là phù hợp.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, các điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị C được ly hôn anh Hà Xuân Q, hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Xuân CA, sinh ngày 23/10/2006 và cháu Hà Xuân TR, sinh ngày 09/8/2011 cho chị Phạm Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu CA và cháu TR đủ 18 tuổi, anh Hà Xuân Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung, sau khi ly hôn anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001362 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (1);
- VKSND tỉnh+ huyện (2);
- THADS huyện (1);
- UBND xã NH (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNGXÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đình Tiến